

CHƯƠNG X :

ĐỨC GIÊSU CÔNG BỐ CĂN TÍNH CỦA NGÀI

Ngay trong thời của Đức Giêsu, dân chúng đã cố gắng giải thích nhân vật bí nhiệm của Ngài bằng cách gán ghép Ngài vào những phạm trù mà họ quen thuộc và vì thế, được xem là có khuynh hướng giải mã màu nhiệm của Ngài: Ngài được xem như là Gioan Tẩy giả, như Êlia hay Giêrêmia trở lại, hay như một Ngôn Sứ (x. Mt 16:14; Mk 8:28; Lc 9:19). Như chúng ta đã thấy trong lời tuyên tín của mình, Phêrô dùng những danh xưng cao trọng khác: Messiah, Con Thiên Chúa hằng sống. Qua các danh xưng, cố gắng để diễn đạt màu nhiệm Giêsu đã giải thích sứ mạng của Ngài, đúng thế, bản chất của Ngài, vẫn còn tiếp tục sau Phục Sinh. Ba danh xưng cơ bản càng ngày càng nổi cộm là: "Kitô" (Messiah), "Kyrios" (Chúa), và "Con Thiên Chúa".

Tự chính danh xưng đầu tiên không có nhiều ý nghĩa ngoài nền văn hóa Semitic. Danh xưng này không còn chức năng của nó như một danh xưng nữa và đã nối kết với tên của Đức Giêsu: Đức Giêsu Kitô. Những gì đã bắt đầu như một chú giải lại kết thúc như một tên, và tại đó có một sứ điệp sâu xa hơn: Ngài hoàn toàn trở nên một với chức vụ của Ngài. Nhiệm vụ và con người của Ngài hoàn toàn bất phân biệt với nhau. Vì vậy, đúng như thế, nhiệm vụ của Ngài trở thành một phần trong tên của Ngài.

Còn lại hai danh xưng "Kyrios" và "người Con", cả hai đều chỉ chung về một hướng. Trong khi Cựu Ước và thời kỳ đầu Do Thái giáo phát triển, "Đức Chúa" đã trở thành một nhóm từ về tên thần thánh. Vì thế, nhóm từ này được áp dụng cho Đức Giêsu xác nhận cho Ngài một sự hiệp thông hữu thể với chính Thiên Chúa. Nhóm từ này đồng nhất Ngài như là Thiên Chúa hằng sống hiện diện giữa chúng ta. Cũng như thế, danh xưng "Con Thiên Chúa" nối kết Ngài với hữu thể của chính Thiên Chúa. Dĩ nhiên, vấn đề như cách chính xác, nối kết bản thể này thuộc loại nào hiển nhiên đã trở thành đối tượng của sự tranh luận căng thẳng từ khi ấy trở đi, như đức tin phấn đấu để chứng minh, và hiểu biết rõ ràng, nội dung lý trí của riêng đức tin. Trong ý nghĩa phát sinh từ, phải chăng "người Con" nhằm nói lên một sự gần gũi đặc biệt nào đó với Thiên Chúa, hay phải chăng thuật ngữ "người Con" hàm ý rằng trong chính Thiên Chúa, có Cha và Con, người Con thật sự "ngang bằng với Thiên Chúa", Thiên Chúa thật bởi Thiên Chúa thật? Công Đồng Nicêa đầu tiên (325) tóm tắt kết quả của cuộc tranh luận sôi nổi này về cuộc đời làm Con của Đức Giêsu trong thuật ngữ *homooúsios*, "cùng chung bản thể", thuật ngữ triết học duy nhất đã được lồng vào trong kinh Tin Kính. Tuy nhiên, thuật ngữ triết học này bảo vệ tính khả tín của thuật ngữ *Thánh Kinh*. Thuật ngữ triết học này nói cho chúng ta biết rằng khi các chứng nhân của Đức Giêsu gọi Ngài là "người Con", nhận định này không có ý nghĩa chính trị hay thần thoại, những hiện sinh mà hai cách chú giải hiển nhiên nhất nói về trong bối cảnh của thời đó. Đúng hơn, nghĩa là phải hiểu thuật ngữ

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

này theo nghĩa đen hoàn toàn: Vâng, trong chính Thiên Chúa có một cuộc đối thoại vĩnh cửu giữa Cha và Con, cả hai cùng là một Thiên Chúa trong Chúa Thánh Thần.

Những danh xưng ca tụng thuộc về Kitô học chứa đựng trong Tân Ước là chủ đề của một nền văn chương bao quát. Cuộc tranh luận chung quanh những danh xưng này nằm ngoài phạm vi của cuốn sách này. Cuốn sách này tìm cách để hiểu con đường trần thế của Đức Giêsu và giảng dạy của Ngài, không phải là công trình thần học về các danh xưng trong đức tin và suy tư của Hội thánh tiên khởi. Thay vào đó, những gì chúng ta cần thực hiện là tập trung đến những danh xưng Đức Giêsu dùng cho chính Ngài cách cẩn thận, dựa theo chứng tích của các Tin Mừng. Có hai danh xưng. Trước hết, Ngài thích tự gọi Ngài là "Con Người". Thứ hai, có những bản văn, đặc biệt trong Tin Mừng Gioan, trong đó, Ngài nói về Ngài đơn thuần như "người Con". Thật ra, Đức Giêsu không dùng danh xưng "Messiah" cho chính mình. Một vài đoạn trong Tin Mừng Gioan, chúng ta tìm thấy danh xưng "Con Thiên Chúa" trên môi miệng Ngài. Bất cứ lúc nào những danh xưng liên quan đến hay về Messiah được dùng cho Ngài, ví dụ như khi Ngài đuổi ma quỷ ra khỏi, hay qua lời tuyên tín của Phêrô, Ngài ra lệnh phải im lặng. Dĩ nhiên, đúng thế, danh xưng Messiah, "Vua dân Do thái", được gắn lên đầu Thập giá, trình bày cách công khai trước toàn thể thế gian. Và điều này cho phép để đặt nó chỗ đó, trong ba ngôn ngữ của thế giới thời đó (x. Ga 19:19 tt), vì giờ đây, không có cách nào nó bị hiểu lầm cả. Thập giá là ngai tòa của Ngài, và như thế, Thập giá đưa ra cách chú giải chính xác về danh xưng này. *Regnavit a ligno Deus*, Thiên Chúa trị vì từ gỗ Thập giá, như Hội thánh thời xưa đã ca hát trong khi cử hành vương quyền mới này.

Giờ đây chúng ta hãy trở lại hai "danh xưng" mà Đức Giêsu đã dùng cho chính mình, theo các Tin Mừng.

PHẦN 1 CHƯƠNG X:

CON NGƯỜI

Con Người, thuật ngữ bí nhiệm này là danh xưng mà Đức Giêsu thường dùng để nói về mình nhất. Chỉ trong Tin Mừng Máccô, thuật ngữ này xảy ra mười bốn lần trên miệng Đức Giêsu. Đúng thế, trong toàn bộ Tân Ước, thuật ngữ "Con Người" chỉ được tìm thấy trên miệng Đức Giêsu, với một luật trừ duy nhất trong cái nhìn về các tầng trời mở ra được công nhận đối với Stêphanô đang chết. "Kìa, tôi thấy các tầng trời mở ra và Con Người đứng bên hữu Thiên Chúa" (Cv 7:56). Ngay lúc chết, Stêphanô thấy được những gì Đức Giêsu đã tiên báo trước trong khi Ngài bị xét xử trước Sanhedrin. "Rồi các ông sẽ thấy Con Người ngự bên hữu Đấng Toàn Năng và ngự giá mây trời mà đến" (Mc 14:62). Vì thế, Stêphanô thật sự trích dẫn một lời nói của Đức Giêsu, chân lý mà thánh nhân được đặc ân nhìn

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ 2

thấy ngay vào lúc ngài chịu tử đạo.

Khám phá này quan trọng. Các học giả Tân Ước về Kitô học, bao gồm cả các Tác giả Phúc Âm, không xây dựng trên danh xưng "Con Người", nhưng trên những danh xưng khác đã bắt đầu được truyền bá trong thời gian của Đức Giêsu: "Messiah (Kitô)", "Kyrios" (Chúa), "Con Thiên Chúa". Việc chỉ định "Con Người" điển hình trong những lời nói riêng của Đức Giêsu. Trong giảng dạy của các Tông đồ, nội dung của danh xưng này được chuyển tải vào các danh xưng khác, nhưng danh xưng đặc biệt này lại không được dùng tới. Khám phá này thật sự khá rõ ràng. Và còn nữa, cuộc tranh luận rộng rãi đã phát triển giữa danh xưng này trong các nhà chú giải hiện đại. Bất cứ ai muốn đi xuống tận cùng của danh xưng này, họ tìm thấy chính họ trong bãi tha ma của những giả thuyết mâu thuẫn lẫn nhau. Bàn luận về cuộc tranh luận này nằm ngoài tầm với của cuốn sách này. Ngược lại, chúng ta cần nghiên cứu đến những luồng chính của lý luận này.

Thông thường có sự phân biệt giữa ba tập hợp về nhận định "Con Người". Nhóm đầu tiên gồm có những câu nói liên quan đến Con Người sẽ đến, những câu nói mà trong đó, Đức Giêsu không nhắm đến chính Ngài như Con Người, nhưng phân biệt giữa Đấng sẽ đến và chính Ngài. Nhóm thứ hai bao gồm những câu nói về hoạt động trần thế của Con Người, trong khi đó, nhóm thứ ba đề cập đến sự đau khổ và Sống lại của Ngài. Khuynh hướng nổi cộm giữa các nhà chú giải chỉ liên quan đến nhóm thứ nhất, nếu như bất cứ, như những câu nói đích thực của Đức Giêsu. Điều này phản ánh cách chú giải theo quy ước về giảng dạy của Đức Giêsu theo hướng cánh chung học nội tại. Nhóm thứ hai bao gồm những câu nói về quyền tha tội của Con Người, về vương quyền của Ngài trên ngày sabát, và về việc vô sản và vô gia cư của Ngài. Dựa theo luồng lý luận chính, nhóm này đã triển khai trong truyền thống ban đầu của Palestine. Điểm này cho thấy có nguồn gốc rất sớm, nhưng không trở về xa tới chính Đức Giêsu. Cuối cùng, những câu nói gần đây là những câu nói liên quan đến cái chết và Sự Sống lại của Con Người. Trong Tin Mừng Máccô, những câu nói này xảy ra trong khoảng thời gian Đức Giêsu đi lên Giêrusalem, và thông thường, theo thuyết này, chỉ có thể được sáng tạo sau các biến cố trong câu hỏi, có lẽ cả chính Tác giả Phúc Âm.

Cách phân chia những câu nói của Con Người theo cách này là hệ quả của một loại logic phân loại cách chi tiết những khía cạnh khác nhau của một danh xưng. Trong khi cách phân chia này thích hợp cho tư duy chuyên môn cách chính xác, cách này lại không hợp với sự đa phức của thực tại cuộc sống, trong đó, cái toàn thể đa tầng kêu gào sự diễn đạt. Tuy nhiên, tiêu chuẩn nền về cách phân loại cho chú giải này hệ tại vào vấn đề chúng ta có thể quy cho Đức Giêsu điều gì cách an toàn, trong hoàn cảnh cuộc sống của Ngài và thế giới văn hóa thời của Ngài? Quá rõ ràng, rất ít! Những lời công bố thật về quyền bính hay những tiên đoán về cuộc Thương khó hình như không hợp lắm. Thế loại mong chờ làm nhẹ

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

bớt-khải huyền đã được lưu truyền trong thời đó có thể gán cho Ngài "cách an toàn", nhưng dường như không còn gì cả. Vấn đề là cách tiếp cận này không công bình đối với ảnh hưởng mạnh mẽ của biến cố Giêsu. Suy tư của chúng ta về cách chú giải của Julicher về các dụ ngôn đã dẫn chúng ta đến kết luận rằng không ai bị lên án Thập giá vì đang răn dạy cách vô thưởng vô phạt.

Để xảy ra một sự cố tận căn như thế, dẫn đến bước cực đoan là trao nộp Đức Giêsu cho Roma, phải có điều gì ẩn tượng lắm đã lên tiếng và thực hiện. Những biến cố quan trọng và khuấy động xảy ra ngay từ lúc đầu. Hội thánh mới được khai sinh chỉ có thể từ từ trân trọng ý nghĩa trọn vẹn của các biến cố này, mà Hội thánh đã nắm bắt được như là, trong "việc nhớ đến" chúng, Hội thánh dần dần đã ngẫm nghĩ và suy tư về và qua các biến cố này. Cộng đoàn bí mật được công nhận với một cấp độ đáng ngạc nhiên về thiên tài thần học. Ai là những nhân vật cao cả chịu trách nhiệm cho việc khám phá ra tất cả những điều này? Không có ai cả, sự cao cả, tính mới mẻ ẩn tượng, trực tiếp đến từ Đức Giêsu. Chỉ trong đức tin và đời sống của cộng đoàn, điều này được triển khai xa hơn, nhưng cộng đoàn không sáng tạo ra. Đúng thế, "cộng đoàn" không thể nào xuất hiện và sống sót trừ khi một thực tại đặc biệt trước đó đã xảy ra.

Thuật ngữ "Con Người" mà Đức Giêsu vừa giữ lại trong bí nhiệm của Ngài, và đồng thời, vừa dần dần tỏ lộ ra, trở thành mới mẻ và đáng ngạc nhiên. Thuật ngữ này không được phổ biến như một danh xưng về niềm hy vọng đấng messiah. Thuật ngữ này thích hợp cách tuyệt vời với phương pháp giảng dạy của Đức Giêsu, cũng như Ngài đã nói rất nhiều trong ẩn ngữ và dụ ngôn và dần dần dẫn tới thực tại ẩn mình mà chỉ có thể khám phá ra qua cuộc đời làm môn đệ. Cả trong cách dùng Do thái và Aramic, ý nghĩa đầu tiên của thuật ngữ "Con Người" chỉ đơn thuần có nghĩa là "con người". Từ ngữ đơn giản này hòa hợp với lời ám chỉ bí nhiệm đối với một ý thức mới về sứ mạng trong thuật ngữ "Con Người". Điều này trở nên rõ ràng trong lời nói về ngày sabát mà chúng ta tìm thấy trong Nhất Lãm. Trong Máccô ghi lại điều này: "Ngày sabát được tạo nên cho con người, chứ không phải con người cho ngày sabát. Bởi đó, Con Người làm chủ luôn cả ngày sabát" (Mc 2:27 tt). Trong Mátthêu và Luca không có câu đầu tiên. Các Tác giả Phúc Âm chỉ ghi lại lời nói của Đức Giêsu. "Con Người làm chủ ngày sabát" (Mt 12:8; Lc 6:5). Có lẽ được giải thích là Mátthêu và Luca bỏ đi câu đầu tiên vì sợ rằng sẽ bị lạm dụng. Nếu có thể như thế, rõ ràng theo Máccô, cả hai câu này thuộc về nhau và chú giải cho nhau.

Nói rằng ngày sabát cho con người chứ không phải con người cho ngày sabát, không chỉ là một diễn đạt theo kiểu quan niệm hiện đại mang tính cách tự do mà tự ý chúng ta biết được trong các từ này. Trong nghiên cứu về Bài giảng Trên núi, chúng ta đã thấy rằng cách chính xác làm sao *không thể* hiểu được giảng dạy của Đức Giêsu. Trong Con Người, con người được mạc khải như họ phải thực sự trở nên. Trong chiều kích Con Người, trong chiều kích tiêu chuẩn mà chính Đức Giêsu là, con người tự do và họ biết cách dùng ngày sabát cách

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

thích hợp như một ngày tự do xuất phát từ Thiên Chúa và đến cùng Thiên Chúa. "Con Người là Chúa ngày sabát". Tầm quan trọng trong lời công bố của Đức Giêsu là cách chú giải Lễ luật cách quyền bính vì chính Ngài là Lời ban đầu của Thiên Chúa, ở đây, trở nên hoàn toàn hiển nhiên. Và tầm quan trọng trong lời công bố của Đức Giêsu cũng trở nên rõ ràng về loại tự do mới nào được ủy thác trên con người như một hệ quả, một tự do không liên quan gì đến sự bốc đồng bề ngoài. Lời nói về tầm quan trọng của ngày sabát này là phần chông lên nhau của "con người" và "Con Người". Chúng ta thấy làm sao giảng dạy này, tự nó rất bình thường, lại trở nên một diễn đạt về chân giá trị đặc biệt của Đức Giêsu như thế nào.

Vào thời Đức Giêsu, "Con Người" không được dùng *như một danh xưng*. Nhưng chúng ta tìm ra dấu vết của nó khá sớm trong sách Daniel trong cái nhìn về bốn con thú và "Con Người" đại diện cho lịch sử thế gian. Nhà thị kiến thấy các quyền bính thống trị thế gian thành công qua hình ảnh bốn con thú khổng lồ nổi lên từ biển, đến từ "bên dưới", và vì thế đại diện cho sức mạnh chỉ đặt nền tảng trên bạo lực, sức mạnh đầy thú tính. Vì thế, nhà thị kiến vẽ lại bức tranh tối tăm và khá xáo trộn về lịch sử thế giới. Phải thừa nhận rằng cái nhìn này không hoàn toàn bi quan. Con thú thứ nhất, con sư tử có cánh của con đại bàng, đã bị nhổ cánh. "Nó được nhắc lên khỏi mặt đất và đặt đứng trên hai chân như một người; nó được ban cho một quả tim người" (Đn 7:4). Sức mạnh có thể được nhân hóa, cả trong thế giới ngày nay. Sức mạnh có thể nhận được khuôn mặt người. Tuy nhiên, đó chỉ là cứu độ tương đối, bởi vì lịch sử tiếp tục và trở nên tồi hơn khi lịch sử đi tới.

Nhưng kể đó, sau khi sức mạnh của sự dữ đã đạt tới đỉnh điểm của nó, có một điều gì đó hoàn toàn khác xuất hiện. Nhà thị kiến nhận ra từ xa, như thể Chúa thật của thế gian trong hình ảnh của những Ngày Xa Xưa, Đấng chấm dứt nỗi kinh hoàng. Và giờ đây: "Có ai như một Con Người đang ngự giá mây trời mà đến ... Đấng Lão Thành trao cho Người quyền thống trị, vinh quang và vương vị; muôn người thuộc mọi dân tộc, quốc gia và ngôn ngữ đều phải phụng sự Người. ... vương quốc của Người sẽ chẳng hề suy vong" (Đn 7:13 tt). Từ trên cao, con người đã đối diện với các con thú dưới vực sâu. Cho đến nay, cũng như các con thú dưới vực sâu đại diện cho các vương quốc trần gian đang có mặt, hình ảnh "Con Người", Đấng ngự đến từ "mây trời", tiên báo về vương quốc hoàn toàn mới, một vương quốc "nhân loại", được đánh dấu bởi quyền năng đích thật đến từ chính Thiên Chúa. Vương quốc này cũng báo hiệu mùa vọng mang tính phổ quát thật, hình dáng lịch sử tích cực và cuối cùng mà từ lâu rồi đã là đối tượng của sự chờ đợi cách âm thầm. Vì thế, "Con Người" đến từ trên cao, trở thành phản đề của các con thú dưới vực sâu biển cả. Như thế, Ngài không chỉ đại diện cho một nhân vật mang tính cá nhân, nhưng cho "vương quốc" mà thế giới đạt tới mục đích của mình.

Các nhà chú giải đã chấp nhận cách rộng rãi cho rằng bản văn này dựa vào một

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

phiên bản sớm hơn, trong đó “Con Người” biểu thị một nhân vật riêng biệt. Dù chúng ta không có phiên bản này, nó vẫn còn là một phỏng đoán. Những bản văn thường được trích dẫn từ 4 Ezra 13 và sách Enoch của Ethiopia cũng vẽ lại Con Người như một nhân vật riêng biệt, thì mới hơn Tân Ước và vì thế, không được coi như một trong những nguồn của nó. Dĩ nhiên, dường như khá hiển nhiên để nối kết thị kiến của Con Người với niềm hy vọng về Đấng Messiah và với nhân vật của chính Đấng Messiah, nhưng chúng ta không có chứng cứ văn bản nào được ghi lại trước thời mục vụ của Đức Giêsu. Vì thế, kết luận vẫn duy trì là sách Daniel dùng hình ảnh Con Người đại diện cho vương quốc cứu độ sẽ đến, một thị kiến có sẵn để Đức Giêsu xây dựng trên đó, nhưng Ngài đã gạt giữa bằng cách nối kết niềm hy vọng này với con người và việc làm riêng của Ngài.

Giờ đây, chúng ta hãy trở lại với chính các bản văn Sách thánh. Chúng ta thấy rằng nhóm những câu nói đầu tiên về Con Người nói về việc đến trong tương lai của Ngài. Đa số những câu nói này xảy ra trong diễn từ của Đức Giêsu về thời thế mạt (x. Mc 13:24-27) và trước tòa án Sanhedrin (x. Mc 14:62). Vì thế, việc bàn luận về những câu nói này thuộc về phần thứ hai của cuốn sách này. Chỉ có một điểm quan trọng mà tôi muốn chỉ ra chỗ này là: Những câu nói này về chiến thắng của Đức Giêsu trong tương lai, về việc Ngài lại đến để phán xét và để tụ họp người công chính, người “tuyển chọn”. Tuy nhiên, chúng ta không được coi nhẹ vì những câu nói này được phát biểu bởi một con người đứng trước các thẩm phán, những người lên án và nhạo báng Ngài: Trong chính những câu nói này, vinh quang và Thương khó nối kết cách chặt chẽ với nhau.

Thú thật rằng những lời này không cốt ý nhắc đến cuộc Thương khó, nhưng đó là thực tại mà trong đó, Đức Giêsu tìm thấy chính mình và Ngài đề cập tới trong đó. Chúng ta gặp lại nối kết này trong hình thức khá tập trung trong dụ ngôn về cuộc Phán xét Cuối cùng được ghi lại trong Tin Mừng của thánh Mátthêu (25:31-46), trong đó Con Người, trong vai trò thẩm phán, tự đồng hóa mình với những người đói khát, với kẻ lạ, người trần truồng, bệnh nhân, kẻ bị tù tội, với tất cả những ai đau khổ trong thế gian này, và Ngài diễn tả cung cách ứng xử đối như cách đối xử với chính Ngài. Cách đơn giản, đây không phải là cuốn tiểu thuyết về sự phán xét thế gian, được phát minh ra sau sự Sống lại. Trong việc trở nên nhập thể, Ngài hoàn tất căn tính này với ý nghĩa cực kỳ sát mặt chữ. Ngài là con người vô sản hay vô gia cư, Ngài không có nơi để gối đầu (x. Mt 8:19; Lc 9:58). Ngài là tù nhân, người bị lên án, và bị chết trần truồng trên Thập giá. Căn tính này của Con Người là Đấng phán xét thế gian với những ai đang đau khổ trong mọi cách, giả định căn tính của vị thẩm phán với Đức Giêsu trần thế và mạc khải sự hiệp nhất nội tại của Thập giá và vinh quang, của hiện hữu trần thế trong khiêm nhường và quyền bính để phán xét thế gian trong tương lai. Con Người là một con người duy nhất, và con người này là Đức Giêsu. Căn tính này chỉ cho chúng ta con đường, chỉ cho chúng ta tiêu chuẩn theo đó,

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ 6

cuộc đời của chúng ta sẽ được phán xét trong một ngày nào đó.

Điều này qua đi mà không nói rằng sự uyên bác mang tính phê bình đã không xem xét đến bất cứ câu nói này về việc lại đến của Con Người như những lời nói xác thực của Đức Giêsu. Chỉ có hai bản văn từ nhóm này được phân loại như những câu nói của Đức Giêsu quy cho Ngài "cách an toàn", trong phiên bản được Tin Mừng Luca ghi lại, tối thiểu kèm theo một vài phê bình. Bản văn thứ nhất là Luca 12:8 tt: "Thầy nói cho anh em biết: Phàm ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Con Người cũng sẽ tuyên bố nhận người ấy trước mặt các thiên thần của Thiên Chúa. Còn ai chối Thầy trước mặt thiên hạ, thì sẽ bị chối trước mặt các thiên thần của Thiên Chúa". Bản văn thứ hai là Luca 17:24 tt: "Vì ánh chớp chóa lòe chiếu sáng từ phương trời này đến phương trời kia thế nào, thì Con Người cũng sẽ như vậy trong ngày của Người. Nhưng trước đó, Người phải chịu đau khổ nhiều và bị thế hệ này loại bỏ". Lý do tại sao các bản văn này được xem như phê chuẩn vì dường như chúng phân biệt giữa Con Người và Đức Giêsu. Đặc biệt câu nói thứ nhất, được lý luận, làm cho khá rõ rằng Con Người không đồng hóa với Đức Giêsu đang lên tiếng.

Giờ đây, điểm đầu tiên cần lưu ý về vấn đề này là dù sao chăng nữa, truyền thống xa xưa nhất đã không hiểu được điều này theo cách thức này. Bản văn song song trong Máccô 8:38 ("Giữa thế hệ ngoại tình và tội lỗi này, ai hổ thẹn vì tôi, và những lời tôi dạy, thì Con Người cũng sẽ hổ thẹn vì kẻ ấy, khi Người ngự đến cùng các thánh thiên thần, trong vinh quang của Cha Người"). Không nói rõ căn tính này, nhưng bố cục của câu văn làm cho nó rõ ràng như pha lê. Trong phiên bản của cùng một bản văn trong Mátthêu, thiếu đi thuật ngữ Con Người. Điều này càng làm rõ hơn căn tính của Đức Giêsu trần thế với vị thẩm phán sẽ đến. "Phàm ai tuyên bố nhận Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ tuyên bố nhận người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời. Còn ai chối Thầy trước mặt thiên hạ, thì Thầy cũng sẽ chối người ấy trước mặt Cha Thầy, Đấng ngự trên trời" (Mt 10:32 tt). Nhưng cả trong bản văn của Luca, căn tính hoàn toàn rõ ràng từ nội dung tổng thể. Đúng thế, Đức Giêsu nói trong hình thức ẩn ngữ mang đặc tính của Ngài, để cho người nghe phải đi tới bước cuối cùng để hiểu. Nhưng còn có một căn tính chức năng song song với lời tuyên tín và chối từ, giờ đây và vào lúc phán xét, trước Đức Giêsu và trước Con Người, và điều này chỉ có nghĩa trên cơ sở căn tính bản thể.

Các vị thẩm phán Sanhedrin thật sự hiểu Đức Giêsu cách thích hợp: Ngài không sửa sai họ như nói lên một điều gì đó: "Nhưng các bạn hiểu lầm tôi, việc Con Người sẽ đến là một người khác". Sự hiệp nhất nội tại giữa *kénosis* (x. Pl 2:5-11) đã sống của Đức Giêsu với việc lại đến trong vinh quang là động cơ thường xuyên trong những lời nói và hành động của Ngài. Cách trung thực, điểm này rất mới về Đức Giêsu, không sáng chế ra, ngược lại, đây là bản toát yếu về nhân vật và lời nói của Ngài. Những bản văn riêng lẻ phải được xem trong bối cảnh, tách ra không thể nào hiểu rõ hơn. Ngay cả Luca 12:8 tt có vẻ như thêm

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ 7

vào cho một chú giải khác, bản văn thứ hai rõ hơn nhiều: Luca 17:24 tt đồng hóa cách rõ ràng hai nhân vật. Con Người sẽ không đến chỗ này hay chỗ kia, nhưng sẽ hiện ra như một ánh sáng loé lên từ tận cùng tầng trời này đến tầng trời kia, để cho mọi người sẽ trông thấy Ngài, Đấng bị Đâm thâu (x. Kh 1:7). Tuy nhiên, trước đó Đấng ấy, cùng Con Người này, sẽ phải chịu đau khổ nhiều và bị loại trừ. Lời tiên tri về cuộc Thương khó và lời loan báo về vinh quang trong tương lai nối kết cách chặt chẽ với nhau. Rõ ràng cùng một con người là chủ đề cho cả hai: Đúng thế, chính con người này, Đấng nói lên những lời này, đã trên đường đến sự đau khổ của Ngài.

Cũng thế, những câu nói trong đó Đức Giêsu nói về hoạt động hiện tại của Ngài minh họa cả hai chiều kích. Chúng ta đã nghiên cứu sơ lược về lời công bố của Ngài rằng, như Con Người, Ngài là Chúa của ngày sabát (x. Mc 2:28). Đoạn này minh họa cách chính xác về những gì mà Máccô đã diễn tả một nơi nào đó. "Thiên hạ sững sốt về lời giảng dạy của Người, vì Người giảng dạy như một Đấng có thẩm quyền, chứ không như các kinh sư" (Mc 1:22). Đức Giêsu đặt chính mình về phía Người Ban Lề luật, Thiên Chúa. Ngài không phải là nhà chú giải, nhưng Thiên Chúa.

Điều này càng tỏ nên rõ hơn trong trình thuật về người bại liệt mà những người bạn của anh ta thòng anh ta xuống từ mái nhà đến dưới chân Chúa trên cái cang. Thay vì nói lời chữa lành, như người bại liệt và các bạn của anh ta đang mong chờ, trước hết, Đức Giêsu nói cùng người đau khổ: "Này con, con đã được tha rồi" (Mc 2:5). Tha tội là đặc quyền của một mình Thiên Chúa, như các kinh sư phản đối. Nếu Đức Giêsu gán quyền bính này cho Con Người, như thế, Ngài đang công bố sở hữu chân giá trị của chính Thiên Chúa và hành động trên nền tảng này. Chỉ sau lời hứa tha tội, bệnh nhân đang hy vọng được nghe: "Vậy để các ông biết: Ở dưới đất này, Con Người có quyền tha tội, Đức Giêsu bảo người bại liệt, Ta truyền cho con: Hãy đứng dậy, vác lấy chõng của con mà đi về nhà" (Mc 2:10-11). Lời công bố mang tính thần thánh này là những gì dẫn đến cuộc Thương khó. Trong nghĩa này, những gì Đức Giêsu nói về quyền bính của Ngài đều chỉ về sự đau khổ của Ngài.

Chúng ta hãy tiếp tục đến nhóm thứ ba về những câu nói của Đức Giêsu về Con Người: Những tiên báo về cuộc Thương khó của Ngài. Chúng ta đã thấy cả ba tiên báo về cuộc Thương khó trong Tin Mừng Máccô, xảy ra trong khoảng hành trình của Đức Giêsu, loan báo về số phận đang đến của Đức Giêsu và sự cần thiết nội tại của nó càng ngày càng rõ dần. Ba tiên báo này đạt tới tâm điểm nội tại và đỉnh điểm của chúng trong nhận định theo sau lời tiên báo thứ ba về cuộc Thương khó và bài diễn từ gắn kết chặt chẽ về cai trị và phục vụ. "Vì Con Người không phải để người ta phục vụ, nhưng là để phục vụ, và hiến mạng sống làm giá chuộc muôn người" (Mc 10:45).

Câu nói này liên kết với một trích dẫn từ các Bài ca về Người Tôi Tớ Đau khổ (x.

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Is 53) và vì thế, đan kết một phần khác của truyền thống Cựu Ước vào với bức tranh Con Người. Đức Giêsu, một mặt tự nhận mình với vị thẩm phán thế gian sẽ đến, chỗ này cũng tự nhận mình với Người Tôi Tớ đang đau khổ và đang chết của Thiên Chúa, Đấng mà Ngôn sứ tiên báo trong các Bài ca của ông. Sự hiệp nhất giữa đau khổ và "chúc tụng", giữa sỉ nhục và huy hoàng, trở nên rõ rệt. Phục vụ là hình thức đích thực của việc lãnh đạo và cho chúng ta một chiều sâu vào trong con đường hữu thể Chúa của Thiên Chúa, của "vương quyền Thiên Chúa". Trong đau khổ và sự chết, cuộc đời của Con Người trở nên "thân thiện sinh" cách tuyệt đối. Ngài trở nên Đấng Cứu Thế và Đấng mang lại cứu rỗi cho "nhiều người": Không chỉ cho con cái Israel tàn mác, nhưng cho tất cả con cái tàn mác của Thiên Chúa (x. Ga 11:52), cho nhân loại. Trong cái chết của Ngài cho "nhiều người", Ngài siêu việt những biên giới của thời gian và không gian, và tính phổ quát trong sứ mạng của Ngài trở nên hoàn tất.

Cách chú giải trước đây coi sự nhập chung lại giữa thị kiến của Daniel về việc Con Người đang đến với những hình ảnh của Người Tôi Tớ Đau khổ của Thiên Chúa được Israel chuyển tải là nét đặc trưng mang tính mới mẻ và riêng biệt về tư tưởng Con Người của Đức Giêsu, đúng thế, như là tâm điểm của toàn bộ việc Ngài hiểu về Ngài. Điều này khá chính xác để thực hiện như thế. Cho dù, chúng ta phải thêm vào rằng tổng hợp của các truyền thống Cựu Ước làm thành hình ảnh Con Người của Đức Giêsu vẫn còn bao gồm nhiều hơn, và đem nhiều phần tử và nhiều luồng của truyền thống Cựu Ước lại chung với nhau.

Trước hết, câu trả lời của Đức Giêsu về câu hỏi có phải Ngài là Đấng Messiah, người Con được Chúc lành hay không, phối hợp Daniel 7 với Thánh vịnh 110 lại với nhau: Đức Giêsu trình bày chính Ngài là Đấng ngồi "bên tay phải của Đấng Quyền Năng", tương xứng với những gì Thánh vịnh tiên báo về vị vua-tư tể tương lai. Hơn thế nữa, lời tiên báo thứ ba về Thương khó, đề cập đến việc các kinh sư, bô lão, và các vị thượng tế loại trừ Con Người (x. Mc 8:31), trộn lẫn với đoạn văn của Thánh vịnh 118:32 liên quan đến viên đá người thợ xây loại bỏ đã trở nên tảng đá góc tường. Điều này cũng triển khai một nối kết với dụ ngôn về những người làm vườn nho bất trung, mà Chúa đã nêu ra những lời này để tiên báo về sự loại trừ Ngài, sự Sống lại của Ngài và sự hiệp nhất mới sẽ theo sau. Nối kết này với dụ ngôn cũng làm sáng tỏ căn tính giữa "Con Người" và "người Con yêu dấu" (Mc 12:1-12). Cuối cùng, Văn chương Khôn ngoan cung cấp nhiều luồng khác hiện diện chỗ này. Chương thứ hai của sách Khôn ngoan miêu tả sự thù hận của "kẻ vô đạo" chống lại người công chính: "Nó huênh hoang vì có Thiên Chúa là Cha. ... Nếu tên công chính là con Thiên Chúa, ... Nào ta kết án cho nó chết nhục nhã" (Kn 2:16-20). V. Hampel cho rằng những lời của Đức Giêsu về "sự chuộc đền cho nhiều người" không xuất phát từ Isaiah 53:10-12, nhưng đến từ Châm ngôn 21:18 và Isaiah 43:3 (Schnackenburg trích dẫn trong *Đức Giêsu trong các Tin Mừng*, tr. 59). Theo tôi, điều này không chắc chắn. Điểm quy chiếu thật sự là và vẫn là Isaiah 53. Những bản văn khác chỉ cho thấy rằng quan điểm nền tảng có thể nối kết với một lãnh vực bao quát về nhiều quy

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

chiếu.

Đức Giêsu đã sống bằng toàn thể Lễ luật và các Ngôn sứ, như Ngài luôn luôn nói với các môn đệ của Ngài. Ngài xem hữu thể và hoạt động riêng của Ngài như sự thống nhất và giải thích về cái "toàn thể" này. Sau này, Gioan diễn tả điểm này trong lời mở đầu của mình, nơi đó, thánh nhân viết rằng chính Đức Giêsu là "Ngôi Lời". Cách Phaolô sắp xếp điều này là "Đức Giêsu là 'Lời Xin Vâng' với tất cả những gì Thiên Chúa đã hứa" (x. 2Cor 1:20). Thuật ngữ bí ẩn "Con Người" trình bày cho chúng ta trong hình thức tập trung với tất cả những gì nguyên thủy và đặc thù nhất về nhân vật Giêsu, sứ mạng và hữu thể của Ngài. Ngài đến từ Thiên Chúa và Ngài là Thiên Chúa. Nhưng cách chính xác, đó là những gì làm cho Ngài, đã nhận lấy bản chất con người, người mang lại bản chất đích thực của loài người.

Dựa theo thư gửi cho Do thái, Ngài nói với Cha Ngài rằng: "Chúa ... đã tạo cho con một thân thể" (Dt 10:5). Trong lời nói này, Ngài biến đổi một trích dẫn từ Thánh vịnh nói rằng: "Chúa ... đã mở tai con" (Tv 40:6). Trong bối cảnh của Thánh vịnh, điều này có nghĩa là sự vâng phục đem lại sự sống, nói lời Xin Vâng cùng Lời Chúa, không cần lễ vật toàn thiêu và lễ vật đền tội. Giờ đây, chính Đấng là Ngôi Lời nhận lấy xác thể, Ngài đến từ Thiên Chúa như một con người, và đem toàn thể hữu thể người đến cùng chính Ngài, mang hữu thể này vào trong Lời Chúa, làm cho hữu thể người thành "đôi tai" cho Thiên Chúa và vì thế, "vâng phục", hòa giải giữa Chúa và người (2Cor 5:18-20). Vì Ngài hoàn toàn tự hiến cho vâng phục và tình yêu, yêu cho đến chết (x. Ga 13:10), chính Ngài trở nên "lễ vật" đích thực. Ngài đến từ Thiên Chúa và vì thế, thành lập một hình thức đích thực cho hữu thể người. Như Phaolô nói, trong khi con người đầu tiên đã là và là đất, Ngài là con người thứ nhì và cuối cùng (tuyệt đối), con người "trên trời", "thần khí ban-sự sống" (1Cor 15:45-49). Ngài đến, và đồng thời, Ngài là "Vương quốc" mới. Ngài không chỉ là một cá nhân, nhưng Ngài còn làm cho tất cả chúng ta thành "một con người duy nhất" (Gl 3:28) với chính Ngài, một nhân loại mới.

Những gì Daniel thoáng thấy từ xa như một tập thể ("như một Con Người"), giờ đây, trở thành một con người, nhưng con người này, hiện diện như người là cho "nhiều người", siêu việt những giới hạn của cá nhân và nhận lấy "nhiều người", trở nên "một thân thể và là một tinh thần" (x. 1Cor 6:17) với nhiều người. Đây là cuộc đời làm môn đệ mà Ngài mời gọi chúng ta: Chúng ta nên để cho chính chúng ta được đem vào trong con người mới của Ngài và từ đó, vào trong hiệp thông với Thiên Chúa. Một lần nữa, chúng ta hãy nghe những gì Phaolô đã nói về điều này: "Những kẻ (con người đầu tiên, Adam) thuộc về đất, thì giống như kẻ bởi đất mà ra; còn những kẻ thuộc về trời, thì giống như Đấng từ trời mà đến" (x. 1Cor 15:48).

Danh xưng "Con Người" tiếp tục được áp dụng riêng cho Đức Giêsu, nhưng cái

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ 10

nhìn mới về sự duy nhất giữa Thiên Chúa và con người mà danh xưng này diễn đạt, được tìm thấy trong toàn bộ Tân Ước và tạo hình cho danh xưng này. Nhân loại mới đến từ Thiên Chúa, là những gì mà một môn đệ của Đức Giêsu phải trở nên.

PHẦN 2 CHƯƠNG X:

NGƯỜI CON

Ngay từ đầu của chương này, chúng ta đã nhận thấy cách tổng quát rằng cần phân biệt giữa hai danh xưng "Con Người" và "người Con" (chưa nói gì về tính chất). Nguồn gốc và ý nghĩa của hai thuật ngữ này khá khác biệt, cho dù ý nghĩa của cả hai đều gối lên nhau và hòa hợp vào nhau như đức tin của người Kitô đã thành hình. Trước đây tôi đã xử lý khá bao quát với toàn bộ vấn đề trong cuốn *Giới Thiệu Về Kitô Giáo* của tôi, ở đây, tôi chỉ tóm tắt cách vắn gọn như một phân tích về thuật ngữ "Con Thiên Chúa".

Thuật ngữ "Con Thiên Chúa" xuất xứ từ nền thần học chính trị của miền Cận đông cổ. Trong cả hai, Ai cập và Babylon, nhà vua được gọi là "người con của Thiên Chúa". Nghi thức nhậm chức của vua được coi như việc "đang sinh ra" như con của Thiên Chúa, có thể người Ai cập thật sự hiểu theo nghĩa của nguồn gốc bí nhiệm từ Thiên Chúa, trong khi đó, người Babylon lại có vẻ xem điều này cách khiếm tốn hơn như một hành động pháp lý, việc chúa nhận làm con nuôi. Israel kế thừa những tư tưởng này trong hai cách, ngay cả đức tin của Israel cũng tạo lại hình dáng của chúng. Moses đã nhận từ chính Thiên Chúa sứ vụ nói lại với Pharaô. "Đức Chúa phán thế này: Con đầu lòng của Ta là Israel. Ta đã phán với người: Hãy thả con Ta ra để nói đi thờ phượng Ta" (Xh 4:22 tt). Mọi dân tộc đều là gia đình cao cả của Thiên Chúa, nhưng Israel là "đứa con đầu lòng", như thế, thuộc về Thiên Chúa một cách đặc biệt, với tất cả những ý nghĩa về thân phận một đứa con đầu lòng trong miền Cận đông xưa. Với sự thống nhất của vương quyền Đavít, hệ tư tưởng vua chúa của miền Cận đông thời xưa được chuyển tải tới vị vua của núi Xion.

Bài diễn từ mà Nathan tiên báo về Đavít hứa rằng nhà của Đavít sẽ bền vững muôn đời bao gồm việc sau: "Ta sẽ cho dòng dõi người đứng lên kế vị người, một người do chính người sinh ra, và Ta sẽ làm cho vương quyền của nó được vững bền. ... Đối với nó, Ta sẽ là Cha, đối với Ta, nó sẽ là con. Khi nó phạm tội, Ta sẽ sửa phạt nó ... Tình thương của Ta sẽ không rời khỏi nó" (2Sm 7:12 tt; x. Tv 89:27 tt, 37 tt). Kể đến, các lời này trở thành nền tảng trong nghi thức nhậm chức của các vua Israel, một nghi thức mà chúng ta gặp lại trong Thánh Vịnh 2:7 tt: "Tôi xin đọc sắc phong của Chúa, Người phán bảo tôi rằng: 'Con là con của Chúa, ngày hôm nay Cha đã sinh ra con. Con cứ xin, rồi Cha ban tặng muôn dân nước làm sản nghiệp riêng, toàn cõi đất làm phần lãnh địa".

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Phần này có ba điểm khá rõ. Israel có địa vị đặc ân như người con đầu lòng của Thiên Chúa được nhân hóa trong vị vua. Vua hiện thân chân giá trị của Israel trong con người. Thứ hai, điều này có nghĩa là hệ tư tưởng vua chúa thời xưa, truyền thuyết được sinh ra, bị bỏ đi và thay thế bằng nền thần học tuyển chọn. “Được sinh ra” bao gồm trong tuyển chọn. Trong việc lên ngôi *của ngày nay*, chúng ta thấy một diễn đạt tóm tắt về hành động tuyển chọn của Thiên Chúa, trong đó, Israel và nhà vua là hiện thân trở thành “người con” của Thiên Chúa. Tuy nhiên, thứ ba, điều trở nên hiển thị là lời hứa thống trị mọi dân tộc, một lời hứa lấy từ các vị vua cao cả của phương Đông, thì bất cân xứng với thực tại đích thực của vị vua trên núi Sion. Người là Đấng cai trị duy nhất vô nghĩa đối với quyền bính mỏng manh kết thúc trong lưu đày, và sau đó có thể tái lập lại trong một thời gian ngắn lệ thuộc vào những siêu quyền bính của ngày đó. Nói cách khác, ngay từ đầu, lời tiên tri cao trọng về Sion đã trở nên lời hứa về vị vua tương lai, một lời đã cho thấy vượt qua cả thời điểm hiện tại, vượt qua cả những gì vị vua đã ngồi trên ngai tòa của mình, có thể được coi là “ngày nay” và “bây giờ”.

Những người Kitô tiên khởi đã nhanh chóng chọn lời hứa này và đã đi đến việc nhận ra sự Sống Lại của Đức Giêsu như sự hoàn tất thực sự về lời hứa này. Dựa theo Công vụ Tông đồ 13:32 tt, trong trình thuật làm khuấy động cả lịch sử cứu độ lên tới đỉnh điểm trong Đức Kitô, Phaolô nói với những người Do thái tụ họp trong hội đường tại Antiokia trong Pisidia rằng “Điều Thiên Chúa hứa với cha ông chúng ta, thì Người đã thực hiện cho chúng ta là con cháu các ngài, khi làm cho Đức Giêsu sống lại, đúng như lời đã chép trong Thánh vịnh 2: Con là Con của Cha, ngày hôm nay Cha đã sinh ra Con”. Chúng ta có thể giả định cách an toàn rằng diễn từ này được ghi lại chỗ này trong Công vụ Tông đồ là một ví dụ cụ thể về giảng dạy truyền giáo ban đầu cho người Do thái, trong đó, chúng ta gặp một hiểu biết về Cựu Ước mang tính Kitô học của Hội thánh khai sinh. Như thế, ở đây, chúng ta thấy giai đoạn thứ ba trong việc làm lại nền thần học chính trị của miền Cận đông cổ. Trong Israel, vào thời vương quốc Đavit, hiểu biết Kitô học về Cựu Ước đã hợp nhất với nền thần học tuyển chọn của Giao Ước cũ. Hơn thế nữa, như vương quốc Đavit phát triển, hiểu biết này càng trở thành một diễn đạt về hy vọng vào vị vua sẽ đến. Tuy nhiên, giờ đây, sự Sống lại của Đức Giêsu được công nhận bằng đức tin như “hôm nay” đã chờ đợi-từ lâu mà Thánh vịnh đề cập tới. Giờ đây, Thiên Chúa đã chỉ định vị vua của Người, và đã thực sự ban cho Ngài quyền sở hữu các dân tộc trên trái đất như là gia nghiệp.

Nhưng việc “thống trị” các dân tộc trên trái đất này đã mất đi đặc tính chính trị của nó. Vị vua này không làm dân chúng tan tác bằng trượng sắt (x. Tv 2:9), Ngài cai trị từ Thập giá, và cai trị như thế theo cách thức hoàn toàn mới mẻ. Tính phổ quát được hoàn tất qua sự khiêm nhường hiệp thông trong đức tin. Vị vua này cai trị bằng đức tin và tình yêu, và không theo cách nào khác. Điều này giúp cho việc hiểu những lời của Thiên Chúa theo cách hoàn toàn mới mẻ và cuối cùng. “Con là Con Cha, hôm nay Cha đã sinh ra Con”. Giờ đây, thuật ngữ

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

“người Con của Thiên Chúa” được tách khỏi phạm vi quyền lực chính trị và trở nên một diễn đạt về sự duy nhất với Thiên Chúa cách đặc biệt được biểu lộ ra trong Thập giá và sự Sống lại. Dĩ nhiên, sự duy nhất này, cuộc đời làm Con thánh thiêng này thật sự kéo dài bao xa không được giải thích trên nền tảng của bối cảnh Cựu Ước này. Những luồng khác trong đức tin của Sách thánh và của chứng tích riêng của Đức Giêsu phải hội tụ lại để cho thuật ngữ này một ý nghĩa trọn vẹn của nó.

Trước khi chúng ta tiếp tục xem xét đến sự chọn lựa giản đơn của Đức Giêsu cho chính Ngài như “người Con”, mà cuối cùng cho danh xưng nguyên thủy mang tính chính trị “người Con của Thiên Chúa” sự dứt khoát của nó, ý nghĩa Kitô, chúng ta phải hoàn tất lịch sử của chính danh xưng này. Vì đây là phần của lịch sử mà hoàng đế Augustus, Đức Giêsu đã sinh ra dưới quyền thống trị của vị hoàng đế này, đã chuyển tải từ nền thần học Cận đông cổ về vương quyền đến Roma và tự công bố mình là “người Con của chúa Caesar”, người Con của Thiên Chúa (x. P. W. V. Martitz, *TDNT*, VIII, tr. 334-340, đặc biệt tr. 336). Trong khi chính Augustus đã bước đi rất cẩn thận, không bao lâu sau, việc tôn thờ các hoàng đế Roma đã theo sau liên quan đến lời công bố hoàn toàn về phạm làm con chúa, và việc thờ phượng hoàng đế tại Roma như một vị chúa đã được thừa nhận xuyên suốt đế quốc.

Kể đến, tại thời điểm lịch sử đặc biệt này, lời công bố của đế quốc Roma về quyền làm con chúa gặp phải niềm tin Kitô cho rằng Đức Kitô sống lại là người Con thật của Thiên Chúa, Chúa của mọi dân tộc trên mặt đất, chỉ có Đấng này mới thuộc về sự thờ phượng trong hiệp nhất Cha, Con và Thánh Thần. Như thế, vì danh xưng “người Con của Thiên Chúa”, đức tin phi chính trị của Kitô hữu, không đòi hỏi sức mạnh chính trị nhưng công nhận những thẩm quyền hợp pháp (x. Rm 13:1-7), hiển nhiên và chạm với toàn bộ lời công bố mà quyền bính chính trị thuộc hoàng triều đã công nhận. Đúng thế, đức tin phi chính trị luôn luôn xung đột với những chế độ chuyên chế chính trị và sẽ được đưa vào trong hoàn cảnh tử đạo, vào trong hiệp thông với Đấng chịu Đóng đinh, Đấng chủ yếu cai trị từ cây gỗ Thập giá.

Cần phải phân biệt cách rõ ràng giữa thuật ngữ “người Con của Thiên Chúa”, với tiền lịch sử phức tạp và thuật ngữ đơn giản “người Con” của nó, mà chủ yếu chúng ta chỉ tìm thấy trên môi miệng của Đức Giêsu. Ngoài các Tin Mừng, thuật ngữ này xuất hiện năm lần trong thư gởi cho Do thái (x. 1:2; 1:8; 3:6; 5:8; 7:28), một lá thư liên quan đến Tin Mừng Gioan, và thuật ngữ này xuất hiện một lần trong Phaolô (x. 1Cor 15:28). Thuật ngữ này cũng xuất hiện năm lần trong thư thứ nhất của Gioan và một lần trong thư thứ hai của Gioan, gọi lại sự tự chứng minh của Đức Giêsu trong Tin Mừng Gioan. Chứng cứ quyết định thuộc về Tin Mừng Gioan (nơi đó, chúng ta tìm thấy mười tám lần) và *Jubelruf* (tiếng reo hò vui vẻ) Messiah được Mátthêu và Luca ghi lại (xem phần sau), thì đặc thù, và chính xác, được diễn đạt như bản văn của Gioan trong khung cảnh của

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

truyền thống Nhất Lãm. Để bắt đầu, chúng ta hãy nghiên cứu *Jubelruf* Messiah này. “Vào lúc ấy, Đức Giêsu cất tiếng nói: ‘Lạy Cha là Chúa Tể trời đất, con xin ngợi khen Cha, vì Cha đã giấu không cho bậc khôn ngoan thông thái biết những điều này, nhưng lại mạc khải cho những người bé mọn. Vâng, lạy Cha, vì đó là điều đẹp ý Cha. Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi. Và không ai biết rõ người Con, trừ Chúa Cha; cũng như không ai biết rõ Chúa Cha, trừ người Con mà kẻ mà người Con muốn mạc khải cho” (Mt 11:25-27; Lc 10:21-22).

Chúng ta hãy bắt đầu với câu cuối cùng, vì đó là chìa khóa cho toàn bộ đoạn văn. Chỉ có người Con thật sự “biết” Cha. Tri thức luôn luôn bao gồm một loại bình đẳng nào đó. Có lần Goethe đã nói “nếu đôi mắt không phải như mặt trời, đôi mắt không thể nào thấy mặt trời”, ám chỉ đến tư tưởng của Plotinus. Tất cả mọi tiến trình đi đến việc hiểu biết điều gì đều bao gồm trong một hình thức này hay hình thức khác một tiến trình đồng hóa, một loại hiệp nhất nội tại giữa tri nhân với tri thức. Tiến trình này khác biệt dựa theo cấp độ tương ứng của hữu thể mà trên đó, chủ thể biết và đối tượng tri thức hiện hữu. Thật sự biết được Thiên Chúa giả định sự hiệp thông với Người, giả định việc trở nên một hữu thể với Người. Dựa theo nghĩa này, giờ đây những gì chính Chúa loan báo khi cầu nguyện đồng nhất với những gì mà chúng ta nghe trong những câu kết của lời tựa trong Tin Mừng Gioan, chúng ta đã thường hay trích dẫn: “Thiên Chúa chưa bao giờ có ai thấy ái; nhưng Con Một vốn là Thiên Chúa và là Đấng hằng ở nơi cung lòng Chúa Cha, chính Người đã tỏ cho chúng ta biết” (Ga 1:18). Câu nói nền tảng này, giờ đây trở thành giản dị, là lời giải thích về những gì chiếu sáng trong lời cầu nguyện của Đức Giêsu, trong đối thoại cha con của Ngài. Đồng thời, nó cũng trở nên rõ ràng về “người Con” là ai và thuật ngữ này có nghĩa gì: Hiệp thông tuyệt đối trong tri thức, đồng thời là hiệp thông trong hữu thể. Chỉ có thể hiệp nhất trong tri thức bởi vì hiệp nhất trong hữu thể.

Chỉ có “người Con” biết Cha, và tất cả mọi tri thức thật sự về Cha là sự tham dự vào trong tri thức làm con về Cha của người Con, một mạc khải mà Người ban cho (Gioan nói với chúng ta là “Người đã tỏ cho chúng ta biết”). Chỉ có những ai mà người Con “muốn tỏ Ngài ra”, mới biết Cha. Nhưng người Con muốn tỏ Ngài ra cho những ai? Ý muốn của người Con không hay thay đổi. Những gì chúng ta đọc thấy trong Mátthêu 11:27 về ý người Con mạc khải Cha đem chúng ta trở lại câu 25 mở đầu, chỗ này Chúa tạ ơn Cha vì đã tỏ ra cho những ai khiêm hạ. Chúng ta đã lưu ý đến sự hiệp nhất *tri thức* giữa Cha và người Con. Giờ đây, nối kết giữa câu 25 và 27 giúp cho chúng ta nhận ra sự hiệp nhất *ý muốn* này.

Ý muốn của người Con trở nên một với ý muốn của Cha. Đúng thế, đây là động cơ thường hay xảy ra qua các Tin Mừng. Tin Mừng Gioan nhấn mạnh cách đặc biệt trên dữ kiện Đức Giêsu hiệp nhất hoàn toàn ý riêng của Ngài với ý Cha. Hành động hiệp nhất và hòa hợp hai ý muốn này được trình bày cách đột ngột trên núi Olives, khi Đức Giêsu đem ý muốn con người của Ngài vào trong ý muốn làm con của Ngài và vì thế, vào trong sự hiệp nhất với ý muốn của Cha.

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Lời cầu xin thứ hai của kinh Lạy Cha có một bối cảnh riêng biệt chỗ này. Khi chúng ta cầu nguyện lời thứ hai này, chúng ta đang xin cho bi kịch của Núi Olives, cuộc chiến đấu trong toàn thể cuộc đời và hoạt động của Đức Giêsu, được hoàn tất trong chúng ta. Cùng với Ngài, người Con, chúng ta có thể hiệp nhất ý muốn của chúng ta với ý muốn của Cha, vì thế, đến lượt chúng ta trở nên những người con, trong hiệp nhất ý muốn mà trở nên hiệp nhất tri thức.

Điều này giúp cho chúng ta hiểu được lời mở đầu của *Jubelruf* của Đức Giêsu, mà thoạt đầu có vẻ như xa lạ. Người Con muốn đem vào trong tri thức làm con của mình tất cả những ai mà ý Cha muốn họ ở đó. Đây là những gì Đức Giêsu muốn nói tới khi Ngài đề cập về diễn từ bánh sự sống tại Caphácnaum. “Chẳng ai đến với tôi được, nếu Chúa Cha là Đấng đã sai tôi, không lôi kéo người ấy” (Ga 6:44). Nhưng ai là người mà Cha muốn? Chúa nói với chúng ta là không phải “người khôn ngoan và hiểu biết”, nhưng người bé mọn.

Dùng nghĩa này theo cách trực tiếp nhất, những lời này phản ánh kinh nghiệm thật của Đức Giêsu: Những người nhận ra Thiên Chúa không phải là những người chuyên môn về Kinh thánh, những người quan tâm tới Thiên Chúa cách chuyên môn. Họ cũng bị lây nhiễm sự phức tạp trong kiến thức chi tiết của họ. Việc học hỏi cao quý làm cho họ sao lãng việc nhìn ngắm cái toàn thể, thực tại của Thiên Chúa tự tỏ lộ chính Người cách đơn giản. Đối với những ai đã biết quá nhiều đến sự phức tạp trong nhiều vấn đề, dường như điều đó không thể nào đơn giản như vậy. Phaolô diễn tả cùng một kinh nghiệm và sau đó, tiếp tục phản ánh về điều này. “Thật thế, lời rao giảng về thập giá là một sự điên rồ đối với những kẻ đang trên đà hư mất, nhưng đối với chúng ta là những người được cứu độ, thì đó lại là sức mạnh của Thiên Chúa. Vì có lời chép rằng: ‘Ta sẽ hủy diệt sự khôn ngoan của kẻ khôn ngoan, và sẽ vút bỏ sự thông thái của người thông thái [Is 29:14] ... Thưa anh em, anh em thử nghĩ lại xem: khi anh em được Chúa kêu gọi, thì trong anh em đâu có mấy kẻ khôn ngoan trước mặt người đời, đâu có mấy người quyền thế, mấy người quý phái. Song những gì thế gian cho là điên dại, thì Thiên Chúa đã chọn để hạ nhục những kẻ khôn ngoan, ... hầu không một phàm nhân nào dám tự phụ trước mặt Người” (1Cor 1:18 tt, 26-29). “Đừng ai tự lừa dối mình. Nếu trong anh em có ai tự cho mình là khôn ngoan theo thói đời, thì hãy trở nên như điên rồ, để được khôn ngoan thật” (1Cor 3:18). Thế nhưng, “trở nên điên dại”, trở nên “người bé nhỏ” có nghĩa là gì, mà qua đó, chúng ta mở lòng ra cho ý muốn, và cho tri thức, của Thiên Chúa?

Bài giảng Trên núi cung cấp chìa khóa để mở ra nền tảng nội tại của kinh nghiệm đặc biệt này và như thế, con đường hoán cải mở ra cho chúng ta để được lôi kéo vào trong tri thức con cái của người Con: “Phúc thay ai có tâm hồn trong sạch, thì họ sẽ được nhìn thấy Thiên Chúa” (Mt 5:8). Tâm hồn trong sạch là những gì làm cho chúng ta thấy được. Trong đó bao gồm sự đơn sơ tuyệt đối mở cuộc đời chúng ta ra để cho ý Chúa tỏ lộ. Chúng ta cũng có thể nói rằng ý

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

muốn của chúng ta phải trở nên ý muốn con cái. Khi nó xảy ra, như thế, chúng ta có thể thấy được. Nhưng làm con là ở trong tương quan: Làm con là khái niệm tương quan. Làm con liên quan đến việc từ bỏ sự tự trị đã đóng kín lại trong chính nó. Làm con bao gồm những gì mà Đức Giêsu có ý nói rằng chúng ta phải trở nên như trẻ thơ. Điểm này cũng hỗ trợ cho chúng ta hiểu mâu thuẫn cách trọn vẹn đã được triển khai trong Tin Mừng Gioan: Trong khi chính Đức Giêsu lệ thuộc hoàn toàn vào như người Con đối với Cha, chính điều này làm cho Ngài hoàn toàn ngang hàng với Cha, thật sự ngang hàng với và thật sự là một với Chúa Cha.

Chúng ta hãy trở lại *Jubelruf*. Sự ngang bằng trong hữu thể mà chúng ta đã thấy được diễn tả trong những câu 25 và 27 (trong chương 11 của Máttêu) như nên một trong ý muốn và trong tri thức, giờ đây liên kết trong nữa đầu của câu 27 với sứ mạng phổ quát của Đức Giêsu và như thế, với lịch sử của thế gian. "Cha tôi đã giao phó mọi sự cho tôi". Khi chúng ta xem xét *Jubelruf* của Nhất Lãm trong tận sâu thẳm của nó, những gì chúng ta tìm được thì thật sự đã bao gồm trong toàn bộ nền thần học người Con của Gioan. Chỗ này cũng thế, cuộc đời làm Con được trình bày như tri thức hỗ tương và như làm một trong ý muốn. Chỗ này cũng thế, Người Cha được trình bày như Đấng Ban Cho đã cung cấp "mọi điều" cho người Con, và trong khi làm như thế, đã làm cho Người thành người Con, ngang bằng với chính Người. "Tất cả những gì con có đều là của Cha, tất cả những gì Cha có đều là của con" (Ga 17:10). Và chỗ này cũng thế, việc ban cho này của Cha đã trải rộng ra vào trong tạo vật, vào trong "thế gian": "Thiên Chúa yêu thế gian đến nỗi đã ban Con Một" (Ga 3:16). Một mặt, từ *một* chỗ này chỉ ngược lại về lời tựa của Tin Mừng Gioan, nơi đó Ngôi Lời được gọi là "Con Một, vốn là Thiên Chúa" (Ga 1:18). Mặt khác, từ này cũng gợi nhớ lại Ápraham, người đã không giữ lại đứa con, đứa con một của ông đối với Thiên Chúa (St 22:2, 12). Hành động "ban cho" này của Cha được hoàn tất cách trọn vẹn trong tình yêu của người Con cho "đến cùng" (Ga 13:1), đó là, cho tới Thập giá. Mâu nhiệm tình yêu Ba Ngôi đi tới ánh sáng trong chiều kích "người Con", hoàn toàn trở nên một với Mâu Nhiệm Vượt Qua của tình yêu mà Đức Giêsu đã hoàn tất trong lịch sử.

Cuối cùng, Gioan cũng thấy lời cầu nguyện của Đức Giêsu trở thành nơi nội tại của thuật ngữ "người Con". Dĩ nhiên, lời cầu nguyện của Đức Giêsu khác biệt với lời cầu nguyện của một tạo vật: Đây là cuộc đối thoại tình yêu bên trong của chính Thiên Chúa, cuộc đối mà Thiên Chúa là. Vì thế, thuật ngữ "người Con" đi chung với danh hiệu đơn giản "Cha" mà Tác giả Phúc Âm Máccô đã lưu giữ lại cho chúng ta trong hình thức nguyên thủy của nó trong trình thuật về cảnh tượng trên núi Olives: "Ápba".

Joachim Jeremias đã dành ra khá nhiều nghiên cứu cách sâu xa để cho thấy tính duy nhất trong hình thức tiếp cận mà Đức Giêsu đã dùng cho Thiên Chúa, vì điều này hàm chứa một sự thân mật không thể nào xảy ra trong thời của Ngài.

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ 16

Nó diễn đạt về tính “độc nhất” của “người Con”. Phaolô kể cho chúng ta rằng ân huệ của Đức Giêsu trong việc tham dự vào Thần Khí của cuộc đời làm Con cho phép người Kitô kêu lên rằng: “Ápba, Cha ơi” (Rom 8:15; Gl 4:6). Phaolô giải thích rõ rằng hình thức mới để cầu nguyện của người Kitô chỉ có thể qua Đức Giêsu, chỉ qua người Con được sinh ra.

Thuật ngữ “người Con”, tích hợp chung với “Cha ơi (Ápba)”, cho chúng ta một thoáng nhìn đích thực về hữu thể nội tại của Đức Giêsu, đúng thế, vào trong hữu thể nội tại của chính Thiên Chúa. Lời cầu nguyện của Đức Giêsu là nguồn gốc đích thực của thuật ngữ “người Con”. Lời cầu nguyện này không có tiền lịch sử, cũng như chính người Con là “mới”, cả qua Môsê và các Ngôn sứ biểu hiện trước Ngài. Nỗ lực đã thực hiện để dùng văn chương hậu kinh thánh, ví dụ, Thơ Ca ngợi của Solomon (được viết từ thế kỷ thứ hai A. D.), như là nguồn để kiến tạo tiền Kitô, tiền lịch sử “Ngộ Đạo” của thuật ngữ này, và lý luận rằng Gioan dùng đến truyền thống này. Nếu chúng ta trân trọng những khả năng và những giới hạn của toàn bộ phương pháp lịch sử, nỗ lực này không có nghĩa gì cả. Chúng ta phải kể đến tính căn nguyên của Đức Giêsu. Chỉ Ngài là “người Con”.

PHẦN 3 CHƯƠNG X:

“TA LÀ”

Những câu nói của Đức Giêsu mà các Tin Mừng chuyển tải cho chúng ta bao gồm, đa phần trong Gioan, nhưng cũng có (mặc dù ít thấy hơn và đến một cấp độ ít hơn) trong Nhất Lãm, một nhóm các câu nói “Ta là”. Những câu nói này nằm trong hai phạm trù. Loại thứ nhất, Đức Giêsu chỉ nói “Ta là” hay “Ta là Người” nhưng không thêm vào bất cứ điều gì cả. Trong loại thứ hai, những diễn đạt hình tượng cho thấy rõ nội dung của “Ta là” cách chi tiết hơn: Ta là ánh sáng thế gian, rượu thật, Đấng Chấn Chiên Nhân Từ, và tiếp tục. Nếu thoạt nhìn lần đầu, loại thứ hai có vẻ dễ hiểu ngay tức thời, điều này càng làm cho loại thứ nhất nan giải hơn.

Tôi muốn xem xét đến ba đoạn văn của Tin Mừng Gioan đại diện thể thức trong hình thức đơn giản nhất và nghiêm túc nhất của nó. Kế đó, tôi muốn lượng định một đoạn văn của Nhất Lãm mà rõ ràng song song với Gioan.

Hai diễn đạt quan trọng nhất của nhóm này xảy ra trong cuộc tranh luận của Đức Giêsu với người Do thái mà ngay sau đó, trong những câu nói Ngài trình bày chính mình như nguồn nước hằng sống tại lễ Lều (x. Ga 7:37). Điều này dẫn đến việc chia rẽ giữa dân chúng. Một số người bắt đầu tự hỏi có phải Ngài

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

thật sự là Đấng Ngôn sứ đang chờ đợi bao lâu nay hay không, trong khi đó, một số khác cho rằng không một ngôn sứ nào xuất thân từ Galilê cả (x. Ga 7:40, 52). Ngay lúc ấy, Đức Giêsu nói với họ: "Các ông không biết tôi từ đâu tới và đi đâu. ... Các ông không biết tôi, cũng chẳng biết Cha tôi" (Ga 8:14, 19). Ngài còn làm cho quan điểm của Ngài rõ hơn bằng cách thêm vào: "Các ông bởi hạ giới, còn tôi, tôi bởi thượng giới. Các ông thuộc về thế gian này; còn tôi, tôi không thuộc về thế gian này" (Ga 8:23). Ngay chỗ này, lời tuyên bố quan trọng xảy ra: "Nếu các ông không tin tôi là Người, các ông sẽ mang tội lỗi mình mà chết" (Ga 8:24).

Điều này có nghĩa gì? Chúng ta muốn hỏi: Như thế, Ngài là cái gì? Ngài là ai? Và đúng thế, đó là cách thức người Do thái trả lời: "Ông là ai?" (Ga 8:25). Như thế, khi Đức Giêsu nói "Ta là Người" có nghĩa gì? Có thể hiểu được, các nhà chú giải bắt đầu tìm kiếm những nguồn gốc của những lời này để làm cho nó có ý nghĩa, và chúng ta sẽ làm như thế để nỗ lực hiểu được những lời này. Có nhiều khả năng đã được đề nghị: Những diễn từ Mạc Khải đặc biệt từ phương Đông (E. Norden), các Sách thánh của người Mandaeans (E. Schweitzer), cho dù những nguồn này không trẻ hơn các sách Tân Ước.

Cho đến bây giờ, đa số các nhà chú giải đã nhận ra rằng chúng ta không nên tìm bất cứ chỗ nào và mọi nơi cho các nguồn gốc tinh thần của lời nói này, nhưng trong thế giới nơi Đức Giêsu đã sống, trong Cựu Ước và trong Do Thái giáo thời Ngài. Từ đó, các học giả đã đưa ra ánh sáng một hậu cảnh bao quát của các bản văn Cựu Ước, chúng ta không cần thiết lượng định chỗ này, tôi chỉ muốn lưu ý đến hai bản văn quan trọng mà vấn đề xoay quanh trên đó.

Bản văn đầu tiên là Xuất hành 3:14, cảnh tượng bụi gai đang cháy, Thiên Chúa gọi ông Môsê từ bụi gai, đến lượt ông Môsê hỏi lại Thiên Chúa, Đấng gọi ông: "Tên Người là gì?" Để trả lời, Người cho một tên bí ẩn YHWH, ý nghĩa của tên này là chính vị chúa đang lên tiếng giải thích lời tuyên bố bí ẩn: "Ta là Đấng Ta là". Những cách chú giải về lời tuyên bố này có nhiều loại và không cần thiết làm phiền chúng ta chỗ này. Điểm chính vẫn là: Thiên Chúa này gọi tên chính Người cách đơn giản là "Ta là". Người chỉ là, không cần bất cứ đặc tính nào cả. Và dĩ nhiên, điều này cũng có nghĩa rằng Người *luôn luôn* hiện diện ở đó, cho con người, hôm qua, hôm nay và ngày mai.

Ngay thời điểm hy vọng cao cả về cuộc Xuất hành mới ngay khi kết thúc cuộc lưu đày Babylon, một lần nữa, Deutero-Isiah đã dùng sứ điệp của bụi gai đang cháy và triển khai nó vào trong một hướng mới. "Chính các ngươi là nhân chứng của Ta –sấm ngôn của Đức Chúa – là bề tôi Ta đã tuyển chọn, để các ngươi nhận biết và tin Ta, và hiểu rõ Ta là Ta: Trước Ta chẳng có thần nào khác được hình thành, và sau Ta cũng vậy. Chính Ta, Ta là YHWH, ngoài Ta ra, chẳng có ai cứu độ" (Is 43:10 tt). "Để các ngươi nhận biết và tin Ta và hiểu rõ Ta là Người". Công thức cũ '*anni YHWH*', giờ đây được viết tắt là '*ani hu*', "Ta Người", "Ta là

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Người". "Ta là" đã trở thành dứt khoát hơn, và trong khi nó vẫn là một bí nhiệm, nó đã trở nên rõ hơn.

Trong thời gian Israel bị lấy mất đất đai và Đền thờ, Thiên Chúa, dựa theo tiêu chuẩn truyền thống, không thể nào cạnh tranh với các chúa khác, vì một vị chúa không có đất đai và không được thờ phượng, không thể nào là một vị chúa. Chính trong thời kỳ này mà dân chúng học biết hoàn toàn những gì khác biệt và mới mẻ về Thiên Chúa của Israel: Đúng thế, Người không thể chỉ là chúa của Israel, chúa của một dân tộc và một mảnh đất, nhưng đơn thuần là Thiên Chúa, Thiên Chúa hoàn vũ, mà toàn thể đất đai, trời đất thuộc về Người. Thiên Chúa là tôn sư của tất cả. Thiên Chúa không cần đến việc thờ phượng trên nền tảng những hy tế con dê và con bò, nhưng Người thật sự được thờ phượng chỉ qua cách thức đúng đắn.

Một lần nữa: Israel đã đi đến nhận thức rằng cách đơn giản, Thiên Chúa của họ là "Thiên Chúa" không có bất cứ đặc tính nào cả. Và vì thế cái "Ta là" tại bụi gai đang cháy, một lần nữa, đã tìm ra ý nghĩa đích thật: Thiên Chúa này đơn giản là. Khi Người nói rằng "Ta là", Người tự giới thiệu chính Người cách chính xác như là Đấng là, trong sự hoàn toàn duy nhất của Người. Một mặt, dĩ nhiên, đây là cách tách biệt Người riêng ra khỏi những vị chúa của thời đó. Mặt khác, ý nghĩa chủ lực của nó thì hoàn toàn tích cực: Sự tỏ lộ về tính duy nhất và độc nhất vô tả.

Khi Đức Giêsu lên tiếng "Ta là", Ngài đang dùng câu chuyện này và phản ánh câu chuyện này cho chính Ngài. Ngài đang cho thấy tính duy nhất của Ngài. Trong Ngài, mầu nhiệm Thiên Chúa duy nhất hiện diện với tư cách cá nhân: "Ta và Cha là một". H. Zimmerman đã nhấn mạnh cách chính xác rằng khi Đức Giêsu nói "Ta là", Ngài không tự đặt Ngài *bên cạnh* cái "Ta" của Thiên Chúa ("Das absolute 'Ich bin'", tr. 6), nhưng chỉ về Cha. Và cách chính xác, qua việc làm như thế, Ngài cũng nói về chính Ngài. Vấn đề chỗ này là sự bất phân biệt giữa Cha và Con. Vì Ngài là Con, Ngài có quyền thốt ra trên môi miệng của riêng Ngài việc tự mệnh danh của Cha. "Ai thấy Thầy, là thấy Chúa Cha" (Ga 14:9). Và ngược lại, vì điều này thực sự như thế, Đức Giêsu được quyền nói lên những lời thuộc về sự tự mạc khải của Cha trong tên riêng của Ngài như người Con.

Vấn đề bị đe dọa trong toàn bộ cuộc tranh luận mà trong đó câu này xảy ra, cách chính xác là sự duy nhất của Cha và Con. Để có thể hiểu điều này cách đúng đắn, trước hết, chúng ta cần nhớ lại suy tư của chúng ta về thuật ngữ "người Con" và nguồn gốc của thuật ngữ này trong đối thoại Cha-Con. Ở đây, chúng ta đã thấy rằng Đức Giêsu hoàn toàn "tương quan", toàn thể hiện hữu của Ngài không là gì cả hơn là tương quan với Cha. Tính tương quan này là chìa khóa để hiểu cách dùng mà Đức Giêsu đã sử dụng công thức của bụi gai đang

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

cháy và Isaiah. Cái "Ta là" hoàn toàn nằm trong quan hệ giữa Cha và Con.

Sau khi người Do thái đặt câu hỏi "Ông là ai?", cũng là câu hỏi của chúng ta. Câu trả lời đầu tiên của Đức Giêsu chỉ về Đấng sai Ngài đến và từ Đấng mà giờ đây Ngài nói cùng thế gian. Một lần nữa, Ngài lập lại công thức mạc khải, cái "Ta là Người", nhưng giờ đây, Ngài mở rộng nó ra với điểm quy chiếu về lịch sử tương lai. "Khi các ông giương cao Con Người lên, bấy giờ các ông sẽ biết Ta là Người" (Ga 8:28). Trên Thập giá, cuộc đời làm Con của Ngài, sự duy nhất của Ngài với Cha, trở nên hiển nhiên. Thập giá là "đỉnh cao" thật. Đây là đỉnh cao "yêu cho đến cùng" (Ga 13:1). Trên Thập giá, Đức Giêsu được tôn vinh lên tới chính "đỉnh cao" của Thiên Chúa, Đấng là tình yêu. Đây là nơi mà Ngài có thể được biết, mà cái "Ta là Người" có thể được nhận ra.

Bụi gai đang cháy là Thập giá. Lời công bố cao nhất của mạc khải, cái "Ta là Người", và Thập giá của Đức Giêsu thì bất phân biệt. Những gì chúng ta tìm thấy chỗ này không phải là suy đoán theo cách siêu hình, nhưng là việc tự mạc khải của thực tại Thiên Chúa giữa lòng lịch sử cho chúng ta. "Bấy giờ, các người sẽ biết Ta là Người". Khi nào là "bấy giờ" này thật sự được nhận ra? "Bấy giờ" này nhận ra liên tục qua lịch sử, bắt đầu từ ngày Hiện xuống, khi người Do thái "đau đớn trong lòng" vì giảng dạy của Phêrô (x. Cv 2:37) và, như Công vụ Tông đồ báo cáo lại, ba ngàn người được rửa tội và gia nhập vào sự hiệp thông của các Tông đồ (x. Cv 2:41). Ý nghĩa trọn vẹn nhất của điều này được nhận ra vào thời cuối cùng của lịch sử, khi mà, như nhà thị kiến của sách Khải huyền lên tiếng: "Ai nấy sẽ thấy Người, cả những kẻ đã đâm Người" (Kh 1:7).

Ngay phần cuối của cuộc tranh luận được ghi lại trong chương 8 của Tin Mừng Gioan, một lần nữa, Đức Giêsu thốt lên những lời "Ta là", giờ đây được mở rộng ra và được giải thích theo một hướng khác. Câu hỏi "Ông là ai?" vẫn hiện diện đâu đấy, và bao gồm câu hỏi: "Ông đến từ đâu?" Việc này dẫn đến sự bàn luận về miêu duệ của người Do Thái từ Ápraham và cuối cùng, đến cương vị làm Cha của chính Thiên Chúa. "Cha chúng tôi là ông Ápraham... Chúng tôi đâu phải là con hoang. Chúng tôi chỉ có một Cha: Đó là Thiên Chúa" (Ga 8:39, 41).

Bằng cách truy nguyên đến nguồn gốc của họ ra khỏi Ápraham đến cùng Thiên Chúa như Cha của họ, những người nói chuyện với Đức Giêsu cho Chúa một cơ hội để tuyên bố lại nguồn gốc của riêng Ngài cùng với sự rõ ràng không thể nào lẫn lộn được. Trong nguồn gốc của Đức Giêsu, chúng ta thấy sự hoàn tất cách tuyệt đối mầu nhiệm của Israel, nhờ đó người Do thái được ám chỉ đến đi qua khỏi hậu duệ từ Ápraham đến việc công bố hậu duệ từ chính Thiên Chúa.

Đức Giêsu nói cho chúng ta rằng Ápraham không chỉ hướng trở lại vượt ra ngoài cả chính ông để tới Thiên Chúa như Cha, nhưng trên hết tất cả, ông chỉ trước về Đức Giêsu, người Con. "Ông Ápraham là cha các ông đã hớn hở vui mừng vì hy vọng được thấy ngày của tôi. Ông đã thấy và đã mừng rỡ" (Ga 8:56). Ngay tại

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ 20

đây, khi người Do thái phản đối rằng Đức Giêsu không thể nào đã thấy Ápraham, Ngài trả lời: "Trước khi có ông Ápraham, Ta là" (Ga 8:58). Một lần nữa, câu "Ta là", đơn giản câu "Ta là" đứng trước chúng ta trong tất cả mọi bí nhiệm của nó, cho dù giờ đây được định nghĩa ngược lại với "sự trở nên hiện hữu" của Ápraham. Cụm từ "Ta là" của Đức Giêsu đứng ngược lại với thế giới của sinh ra và chết đi, thế giới của trở nên hiện hữu và qua đi. Schnackenburg cho thấy cách chính xác rằng những gì liên quan đến chỗ này không chỉ là một phạm trù thuộc về trần gian, nhưng là "sự phân biệt nền tảng về bản chất". Chỗ này, chúng ta có một công bố rõ ràng về "lời xác nhận của Đức Giêsu về một cách thức hoàn toàn đặc thù của hữu thể siêu việt những phạm trù người" (Barrett, *Tin Mừng, II*, tr. 80 tt).

Giờ đây, chúng ta hãy trở lại câu chuyện được Máccô kể lại về việc Đức Giêsu đi trên mặt nước ngay sau việc hóa bánh ra nhiều lần thứ nhất (x. Mc 6:45-52), một câu chuyện rất giống với trình thuật song song trong Tin Mừng Gioan (x. Ga 6:16-21). H. Zimmermann đã xây dựng một phân tích về bản văn cách cẩn thận (*Das absolute 'Ich bin'*", tr. 12 tt). Chúng ta sẽ đi theo những tuyến chính trong trình thuật của ông.

Sau khi hóa bánh ra nhiều, Đức Giêsu bắt các môn đệ xuống thuyền và chèo về hướng Bếtsaida. Tuy nhiên, chính Ngài lại lui vào "trên núi" để cầu nguyện. Các môn đệ, trong thuyền của họ ở giữa biển hồ, không thể đi tới được nữa vì ngược gió. Trong khi Ngài đang cầu nguyện, Chúa thấy họ, và đi về phía họ trên nước. Dễ hiểu, các môn đệ kinh hãi khi họ thấy Đức Giêsu đang bước trên nước. Họ la lên vì "hoàn toàn bối rối". Nhưng Đức Giêsu nhẹ nhàng khuyên bảo họ: "Cứ yên tâm, chính Ta đây [Ta là Người], đừng sợ!" (Mc 6:50).

Thoạt tiên, ví dụ của các từ "Ta là Người" hình như là một công thức đơn giản về căn tính qua đó, Đức Giêsu giúp cho những người đi theo Ngài nhận ra Ngài, cũng như làm cho họ bớt sợ hãi. Tuy nhiên, cách chú giải này không đi xa lắm. Vì ngay lúc ấy, Đức Giêsu bước vào trong thuyền và gió ngừng lại. Gioan thêm vào rằng họ nhanh chóng chèo tới bờ. Điều phi thường là chỉ lúc này, các môn đệ mới thực sự bắt đầu sợ hãi. Họ hoàn toàn sững sốt, như Máccô ghi lại cách sống động (x. Mc 6:51). Nhưng tại sao? Sau khi họ sợ hãi lúc đầu tưởng là thấy ma, sự sợ hãi của các môn đệ không rời bỏ họ, nhưng đạt tới cường độ mãnh liệt nhất vào lúc Đức Giêsu bước vào trong thuyền và tức thì, gió lặng đi.

Hiển nhiên, sự sợ hãi của họ là loại sợ hãi đặc thù về "sự xuất hiện của một vị chúa cho con người, theophanies", một loại sợ hãi bao trùm lấy con người khi chính họ bị phơi trần ra trước hiện diện của chính Thiên Chúa. Chúng ta đã gặp một ví dụ về loại sợ hãi này sau khi bắt được nhiều cá, nơi đó Phêrô, thay vì vui vẻ tạ ơn Đức Giêsu, lại kinh hoàng đến tận sâu thẳm trong linh hồn của ông, sắp mình xuống chân Đức Giêsu, và nói: "Lạy Chúa, xin tránh xa con, vì con là kẻ tội lỗi" (Lc 5:8). Đây là sự "sợ hãi thiêng liêng" đến trên các môn đệ chỗ này.

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Vì đi trên nước là đặc quyền của thần linh: “Duy mình Thiên Chúa trải rộng các tầng trời, đạp lên trên ba đào biển cả” (G 9:8; x. Tv 76:20 trong phiên bản Septuagint; Is 43:16). Đức Giêsu bước trên nước không chỉ đơn thuần là Đức Giêsu quen thuộc. Trong Đức Giêsu mới này, tức thời, họ nhận ra hiện diện của chính Thiên Chúa.

Cũng thế, việc làm cho sóng gió yên lặng là hành động vượt ra khỏi những giới hạn trong khả năng con người và cho thấy quyền năng của Thiên Chúa đang hành động. Cùng một cách, trong trình thuật trước đó mà Đức Giêsu làm cho sóng gió yên lặng tại Biển hồ Galilê, các môn đệ hỏi nhau: “Vậy người này là ai, mà cả đến gió và biển cũng tuân lệnh?” (Mc 4:41). Trong bối cảnh này cũng thế, có một điều gì đó khác thường hơn trong câu “Ta là”. Câu này còn hơn là một cách thức để Đức Giêsu xác nhận về Ngài. Dường như bí nhiệm “Ta là Người” trong các bản văn của Gioan vang vọng lại chỗ này. Dù sao chẳng nữa, không còn nghi ngờ gì cả về toàn thể biến cố là một mạc khải thần thánh, một hội ngộ với mầu nhiệm thiên tính của Đức Giêsu. Cũng thế, Mátthêu kết luận khá lôgic phiên bản của mình về câu chuyện với hành động tôn thờ và la lên của các môn đệ: “Quả thật Ngài là Con Thiên Chúa” (Mt 14:33).

Giờ đây, chúng ta hãy tiếp tục với những lời nói trong đó, câu “Ta là” được ban cho một nội dung đặc biệt để dùng cho một số hình ảnh. Trong Gioan, có bảy câu nói như thế. Đúng thế, bảy câu nói này hầu như không thể nào tình cờ. “Ta là Bánh Hằng sống”, “Ánh Sáng thế gian”, “Cửa vào”, “Mục Tử Nhân lành”, “Sự Sống lại và là Sự Sống”, “Đường, Sự Thật và Sự Sống”, “Cây Nho thật”. Schnackenburg cho thấy cách chính xác rằng chúng ta có thể thêm vào những hình ảnh chính này hình ảnh suối nước, cho dù hình ảnh này không làm thành, theo nghĩa đen, một phần của câu nói “Ta là”, tuy nhiên, còn có những lời nói khác mà Đức Giêsu tự giới thiệu Ngài như là suối nước này (x. Ga 4:14, 6:35, 7:38; cũng xem 19:34). Chúng ta đã nghiên cứu một vài hình ảnh này cách chi tiết trong chương về Gioan. Như thế, chỗ này cũng đủ để tóm tắt cách ngắn gọn về ý nghĩa mà những câu nói của Đức Giêsu trong Gioan có gì chung với nhau.

Schnackenburg lưu ý chúng ta về sự kiện mà tất cả những hình ảnh đều là “sự khác nhau về một chủ đề, mà Đức Giêsu đã đến để cho con người được sống và sống dồi dào (Ga 10:10). Ân huệ duy nhất của Ngài là sự sống, và Ngài có thể ban cho vì sự sống thiêng liêng hiện diện trong Ngài trong sự trọn vẹn nguyên thủy và vô tận” (Barrett, *Tin Mừng*, II, tr. 88). Cuối cùng, con người vừa cần và vừa khao khát một điều duy nhất: Sự sống, sự trọn vẹn của sự sống, “hạnh phúc”. Một đoạn văn trong Tin Mừng Gioan, Đức Giêsu gọi điều đơn giản mà chúng ta khao khát là “niềm vui tuyệt đối” (Ga 16:24).

Điểm duy nhất mà cũng là đối tượng của nhiều ao ước và niềm hy vọng của con người cũng tìm cách diễn tả trong lời cầu xin thứ hai của kinh Lạy Cha: Nước Cha trị đến. “Nước Thiên Chúa” là sự sống dồi dào, cách chính xác, vì đây không

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

Các trích dẫn Kinh Thánh lấy từ bản dịch do Nhóm Phiên Dịch CÁC GIỜ KINH PHỤNG VỤ 22

phải là “hạnh phúc” riêng tư, không phải niềm vui mang tính cá nhân, nhưng thế gian đã đạt được hình thức đúng đắn của nó, sự hiệp nhất giữa Thiên Chúa và thế gian.

Cuối cùng, con người chỉ cần có một điều, mà trong đó bao gồm mọi thứ. Nhưng trước hết, họ phải tìm tòi ngoài những ao ước và khao khát nông cạn của họ để học nhận ra những gì họ thật sự cần và thật sự muốn. Con người cần Thiên Chúa. Và vì thế, giờ đây, cuối cùng chúng ta nhận ra những gì nằm phía sau mọi hình ảnh của Gioan: Đức Giêsu ban cho chúng ta “sự sống” vì Ngài ban cho chúng ta “Thiên Chúa”. Ngài có thể ban Thiên Chúa vì chính Ngài là một với Thiên Chúa, vì Ngài là người Con. Chính Ngài là ân huệ, Ngài là “sự sống”. Cách chính xác, vì lý do này, toàn thể hữu thể của Ngài bao gồm trong việc đang liên hệ, trong “tiền hiện sinh”. Đó chính là những gì chúng ta thấy trên Thập Giá, là sự ngợi khen thật của Ngài.

Chúng ta hãy nhìn lại. Chúng ta tìm ra ba thuật ngữ trong đó, Đức Giêsu vừa che đậy và vừa tỏ lộ mầu nhiệm con người của Ngài: “Con Người”, “người Con”, “Ta là Người”. Cả ba thuật ngữ này biểu thị làm thế nào Ngài ăn sâu vào trong Ngôi Lời, Sách thánh của Israel, Cựu Ước. Thế nhưng tất cả những thuật ngữ này chỉ nhận được ý nghĩa trọn vẹn trong Ngài. Dường như những thuật ngữ này đã chờ Ngài.

Cả ba thuật ngữ này đưa ra ánh sáng nguồn gốc của Đức Giêsu, tính mới mẻ của Ngài, duy chỉ mình Ngài có phẩm tính đặc biệt này, không xuất phát từ bất cứ nguồn nào khác. Vì thế, cả ba chỉ có thể trên môi miệng của Ngài, và tâm điểm của tất cả là “người Con” mang tính thuật ngữ-cầu nguyện, tương ứng với “Cha ơi, Ábba” mà Ngài gọi đến Thiên Chúa. Vì thế, không có thuật ngữ nào trong ba thuật ngữ được dùng theo cách trực tiếp như lời loan báo do “cộng đoàn” tuyên xưng, do Giáo Hội tuyên xưng trong các giai đoạn thành hình lúc đầu.

Đúng thế, Hội thánh khai sinh đã mức lấy bản chất của những thuật ngữ này, tâm điểm vào “người Con”, và áp dụng nó vào thuật ngữ khác “Con Thiên Chúa”, bằng cách ấy, một lần nữa đã giải thoát tất cả từ những liên kết mang tính chính trị và truyền thuyết trước đó. Đặt trên nền tảng thần học tuyển chọn của Israel, giờ đây “Con Thiên Chúa” nhận được một ý nghĩa hoàn toàn mới, mà Đức Giêsu đã báo trước bằng cách nói về chính mình như người Con và như “Ta là”.

Như thế, ý nghĩa mới này phải đi qua nhiều chặng đường định hướng khó khăn và tranh luận sôi nổi để có thể làm sáng tỏ cách trọn vẹn và bảo đảm chống lại những nỗ lực chú giải nó trong ánh sáng thuộc về chính trị và thần thoại phiếm thần. Vì mục đích này, Công đồng Nicêa đầu tiên (A.D. 325) đã mượn lại từ cùng một bản thể (trong tiếng Hy Lạp là *homoousios*). Thuật ngữ này không Hy

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.

lập hóa đức tin hay áp đặt một nền triết học xa lạ lên nó. Ngược lại, từ này nắm được một công thức cố định cách chính xác về những gì đã xảy ra như khác biệt và mới lạ có một không hai trong cách nói của Đức Giêsu với Chúa Cha. Trong kinh Tin Kính Nicêa, Hội thánh liên kết với Phêrô trong việc tuyên xưng về Đức Giêsu một lần nữa như chưa bao giờ: “Thầy là Đức Kitô, Con Thiên Chúa hằng sống” (Mt 16:16).

.....

Biên dịch Lm. Nguyễn Luật Khoa, OFM - Nữ tu Phạm Thị Huy, OP
Dịch từ bản tiếng Anh: *Jesus of Nazareth*
Tác giả: Joseph Ratzinger.